

NGOẠI KIM CƯƠNG BỘ VIỆN

Ngoại Kim Cương Bộ Viện ở tại vòng ngoài cùng của **Thai Tạng Giới Hiện Đồ Mạn Đa La** nên xưng là Tối Ngoại Viện.

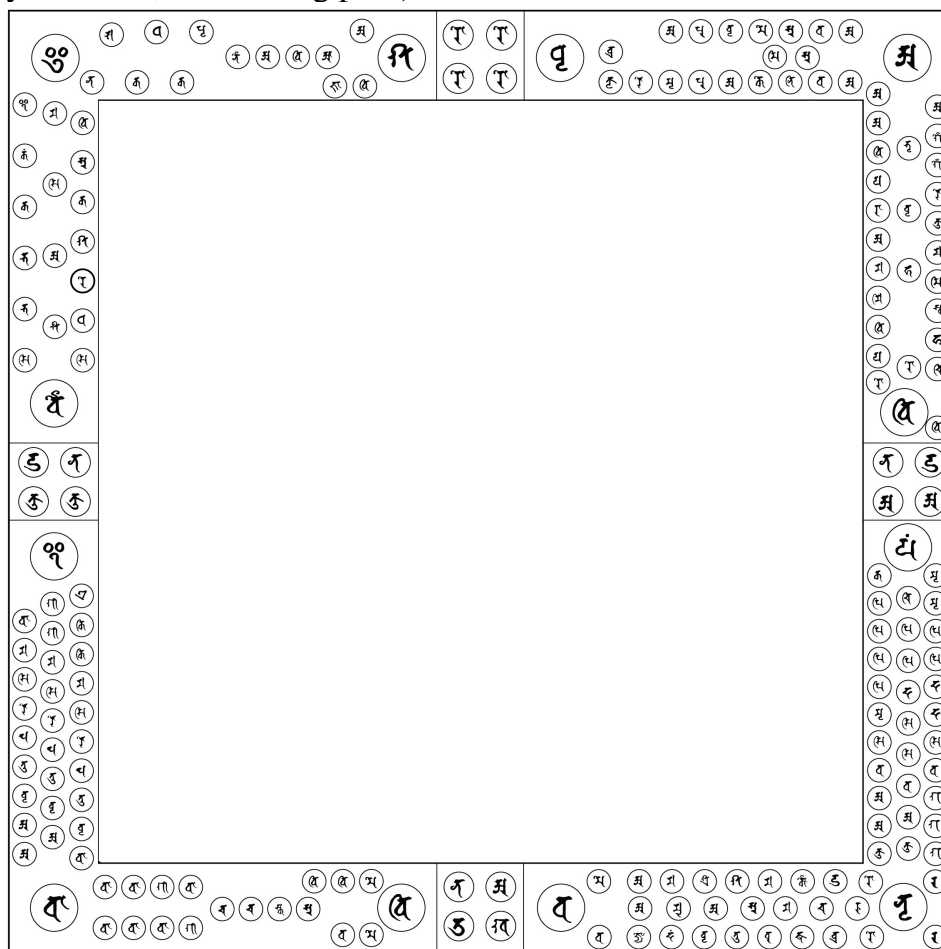
Các Tôn của Viện này thuần dùng chữ Thiên làm đầu, sau này còn có vô số tạp loại các hàng RỒNG, Dạ Xoa...thuộc sáu nẻo trong ba cõi.

Do các Tôn của Viện này, tuy phần lớn có tên gọi là Kim Cương nhưng chỉ dùng cho Thiên Bộ, vì thế Viện này còn được xưng là Chư Thiên Bộ

Viện này biểu thị cho **Đại Bi Đẳng Lưu Thân** của Đại Nhật Như Lai, diễn tả Đức **tùy loại ứng hóa**, cùng **Thánh Pháp** là **Lý không hai**. Đây là phương tiện thiện xảo của chư Phật nhiếp trì chúng sinh , giúp cho họ vượt qua các Tâm của chúng sinh đạt được Sơ Địa để nhận Chính Pháp.

Viện này gồm có 205 Tôn

_ Phương Đông có 40 Tôn thuộc nhóm Nhật Thiên, Đế Thích Thiên, Phạm Thiên...(dãy bên trên, từ trái sang phải)



- 1_ Y Xá Na Thiên (𑖦)
- 2_ Hỷ Diện Thiên (𑖧)
- 3_ Thường Túy Thiên (𑖨)

- 4_ Khí Thủ Thiên Hậu (𠄎)
- 5_ Khí Thủ Thiên (𠄎)
- 6_ Kiên Lao Địa Thần Hậu (𠄎)
- 7_ Kiên Lao Địa Thần (𠄎)
- 8_ Phi Tướng Thiên (𠄎)
- 9_ Vô Sở Hữu Xứ Thiên (𠄎)
- 10_ Thức Vô Biên Xứ Thiên (𠄎)
- 11_ Không Vô Biên Xứ Thiên (𠄎)
- 12_ Nhạ Gia (𠄎)
- 13_ Nhật Thiên (𠄎)
- 14_ Vi Nhạ Gia (𠄎)
- 15_ Đế Thích Thiên (𠄎)
- 16_ Thủ Môn Thiên (𠄎)
- 17_ Thủ Môn Thiên Nữ (𠄎)
- 18_ Thủ Môn Thiên (𠄎)
- 19_ Thủ Môn Thiên Nữ (𠄎)
- 20_ Trì Quốc Thiên (𠄎)
- 21_ Đại Phạm Thiên (𠄎)
- 22_ Mão Tú (𠄎)
- 23_ Tất Tú (𠄎)
- 24_ Tuy Tú (𠄎)
- 25_ Sâm Tú (𠄎)
- 26_ Quý Tú (𠄎)
- 27_ Tỉnh Tú (𠄎)
- 28_ Liễu Tú (𠄎)
- 29_ Ngũ Mật Cung (𠄎)
- 30_ Bạch Dương Cung (𠄎)
- 31_ Phu Phụ Cung (Nam) (𠄎)
- 32_ Phu Phụ Cung (Nữ) (𠄎)
- 33_ Tuệ Tinh (𠄎)
- 34_ Lưu Tinh (𠄎)
- 35_ Nhật Diệu (𠄎)
- 36_ Nhật Diệu Quyển Thuộc (𠄎)
- 37_ Bà Tô Tiên Hậu (𠄎)
- 38_ Bà Tô Đại Tiên (𠄎)
- 39_ Hoả Thiên Hậu (𠄎)
- 40_ Hoả Thiên (𠄎)

1_ Y Xá Na Thiên (I'sàna):

I'sàna dịch âm là Y Xá Na Thiên, dịch ý là Lạc Dục hay Tự Tại Chúng Sinh Chủ, tức nghĩa là người Tư Phối. Lại xưng là Y Già Na Thiên, hoặc Y Sa Thiên,

Đại Tự Tại Thiên. Là một trong Hộ Thế Bát Phương (tám vị hộ giúp đời ở tám phương), một trong 12 vị Trời, hoặc một trong Thần Hộ Pháp ở mười phương, thủ hộ phương Đông Bắc. Lại có thuyết nói vị ấy khi xưa được xưng là Ma Ê Thủ La Thiên (Mahe'svara).

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, hiện tướng phẫn nộ, quát mắng ba độc Tham Sân Si, trên mặt có 3 mắt, thân dùng đầu lâu làm Anh Lạc, tay trái cầm vật khí chứa đầy máu ngựa thồ để uống, tay phải cầm cây kích Tam Cổ

3 mắt biểu thị cho sự giáng phục 3 vọng chấp: thô, tế, cực tế

Đầu lâu biểu thị cho vô minh căn bản. Dùng đầu lâu làm Anh Lạc biểu thị cho nghĩa **phiền não tức Bồ Đề**

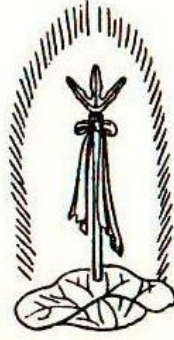
Tay trái cầm vật khí chứa đầy máu ngựa thồ để uống, biểu thị cho ăn nuốt hết phiền não

Tay phải cầm cây kích Tam Cổ biểu thị cho việc dùng cái Mâu của 3 Bình Đẳng giết hại phiền não, hai chướng Sở Tri, nghĩa là Không Nhân Chấp, Pháp Chấp.

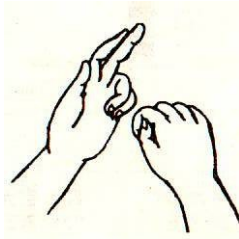


Chữ chủng tử là: I (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kích Tam Cổ , biểu thị cho việc điều phục chúng sinh.



Tượng Ấn là: **Y Xá Na Thiên Ấn**. Tay phải nắm quyền để ở eo lưng, tay trái đều co ngón vô danh, ngón út, dựng thẳng ba ngón còn lại và hơi rời nhau. Đây tức là hình Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम रुद्राय स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ RUDRĀYA SVĀHĀ

2_ Hỷ Diện Thiên (Nandī-mukha)

Hỷ Diện Thiên là quyền thuộc của Y Xá Na Thiên

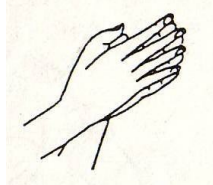
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải duỗi ra, hướng lòng bàn tay lên trên, tay trái nắm quyền, duỗi thẳng ngón trở biểu thị cho sự vui thích.



Chữ chủng tử là: NA (ॢ), hay RO (ॣ)



Tượng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

ॐ मः समंता बुद्धानाम् लोका लोकैः करायै
सर्वदेवा नगा यक्षा गन्धारवा सुरा गरुडा
किम्बारा मोहरागादि हृदया अकारशया विचित्रागति
स्वाहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ LOKA ALOKĀ KARĀYA _
SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUDA
KIMNARA MOHĀRAGA DI_ HRDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI
SVĀHĀ

5_ Khí Thủ Thiên (Karotapāṇi):

Tôn này là quyền thuộc của Y Xá Na Thiên, tay cầm vật khí chứa rượu cho nên xưng là Khí Tửu Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cái chén, tay trái dựng chưởng, hướng lòng bàn tay ra ngoài.



Chữ chủng tử là: KA (𑖕) hay RO (𑖥)



Tượng Ấn là: Bát Ấn.



Chân Ngôn là:

नमः समन्त बुद्धानाम् पृथिवीयै स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ PṚTHIVĪYE - SVĀHĀ

7_ Kiên Lao Địa Thần (Pṛthivi):

Pṛthivi dịch âm là Bỉ Lý Đế Tỳ, Bát La Thế Phệ, Bệ Lý Thế Vi. Lại xưng là Kiên Lao, Kiên Lao Địa Thiên, Địa Thần Thiên, Kiên Lao Địa Kỳ, Trì Địa Thần, Địa Thiên. Là một trong 20 Thiên thuộc Sắc Giới, là vị Thần trông coi đất đai.

Khi Đức Phật Đà mới thành Đạo thời Địa Thần này đã hiện ra để chứng minh, từ dưới Đất nhảy vọt lên, khom người cung kính, nâng cái bình bảy báu chứa đầy hương hoa để cúng dường.

Tôn Hình: Thân màu thít đỏ, đội mào báu, tay trái cầm cái bát, trong bát có hoa tươi. Hương lòng bàn tay phải ra bên ngoài để trước ngực. Ngồi trên toà hình tròn.



Chữ chủng tử là: PṚ (𑖥), hay RO (𑖩)

Tam Muội Gia Hình là: Cái bát.



Tượng Ấn là: Bát Ấn.



Chân Ngôn là:

नमः समन्त बुद्धानाम् पृथिवीयै स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ PṚTHIVĪYE - SVĀHĀ

8_ Phi Tượng Thiên (Naivasamjñāyatana):

Tâm Định của hàng Trời này đến chỗ Tịnh Diệu, là cảnh giới Thiền Định tối cao trong Thiền Định của Thế Gian.

Phi Tượng là ngay trong Cảnh Định đã trải qua, diệt trừ Tâm Niệm của tướng thô nhưng trong đó còn có Tâm Tượng nhỏ nhiệm. Có điều do rất nhỏ nhiệm nên không có Pháp vận tướng và khó dùng duyên quán sát, vì thế xưng là Phi Tượng.

Lại nữa do còn có tâm niệm nhỏ nhiệm sâu xa cho nên xưng là Phi Phi Tượng. Lại xưng là Phi Phi Tượng Thiên, Vô Tư Tượng Diệc Vô Vô Tượng Thiên, Hữu Tượng Vô Tượng Trí Thiên, Phi Tượng Phi Phi Tượng Thiên, Phi Hữu Tượng Phi Vô Tượng Xứ Thiên. Là cõi Trời thứ tư thuộc Vô Sắc Giới. Vị Trời này trụ ở đỉnh của Tam Giới Cửu Địa cho nên xưng là Hữu Đỉnh Thiên.

Tôn Hình: Thân màu vàng chói, hiện hình Hoá Phật ngồi trong lầu gác có hai tầng.



Chữ chủng tử là: RO (𑖀) hay NAI (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

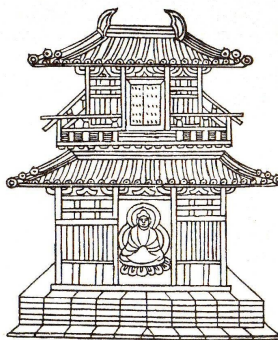
ॐ मः समंता बुद्धानां लोकां लोकैः करायै
सर्वदेवा नगा यक्षा गन्धारवा सुरा गरुडा
किम्बारा मोहरागादि ह्रदयाः अकारशया विचित्रागति
स्वाहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ LOKA ALOKĀ KARĀYA _
SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA
KIMNARA MOHĀRAGA DI_ HRDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI
SVĀHĀ

10_ Thức Vô Biên Xứ Thiên (Vijñāna-anantya-ayatana):

Vijñāna-anantya-ayatana là cõi Trời thứ hai của 4 cõi Trời Vô Sắc. Lại xưng là Thức Vô Biên Xứ, Vô Biên Thức Xứ, Thức Vô Biên Xứ Địa, Vô Lượng Thức Xứ Thiên, Thức Nhập Xứ. Lược xưng là Thức Xứ, chỉ Yểm Ly Không Vô Biên Xứ Thiên, là Quả Báo do Định của Thức Vô Biên đã chiêu cảm. Tức nhóm mắt thanh tịnh suy tư tưởng của 6 loại Thức, quán sát chiếu rõ Thức Tướng vô biên. Dùng sự suy tư Thức Tướng vô biên mà tu Gia Hạnh, triển chuyển dẫn khỏi Định Vô Sắc thứ hai mà xưng là Thức Vô Biên Xứ

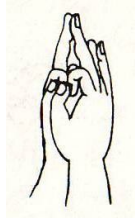
Tôn Hình: Thân màu vàng chói, hiện hình Hoá Phật ở trong lầu gác hai tầng



Chữ chủng tử là: RO (𑖀), hay VI (𑖡)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.





Chân Ngôn là:

ॐ नमो विजया स्वहा
OM JAYA VIJAYA SVÀHÀ

Hay ॐ मगनापथा स्वहा
OM MAHÀ-GAÑAPÀTHA SVÀHÀ

13_ Nhật Thiên (Àditya):

Àditya dịch âm là A Nê Để Gia. Lại xưng là Nhật Thiên Tử, Nhật Thần
Tại Ấn Độ đem sức sáng tạo, Thần Cách Hoá xưng là Nhật Thiên. Sau lại
xưng riêng là Thái Dương Thần (Sùrya).

Sau khi truyền vào Mật Giáo thì thành một trong 20 Thiên. Tức Đại Nhật Như
Lai vì lợi ích chúng sinh cho nên trụ vào **Phật Nhật Tam Muội**, tùy duyên hiện ra
ở đời, lúc phá các Ám thời Tâm Bồ Đề tự nhiên khai hiển giống như ánh sáng của
Thái Dương chiếu soi chúng sinh, cho nên xưng là Nhật Thiên.

Tôn này có 2 vị Phi là Thệ Gia (Jayà) và Vi Thệ Gia (Vijaya)

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, khoác Thiên Y, hai tay đều cầm hoa sen, ngồi
trên xe có năm con ngựa màu đỏ.



Chữ chủng tử là: A (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Kim Cương Luân.



Tướng Ấn là: Co hai ngón vô danh chạm lưng ngón, hai ngón cái đè bên cạnh hai ngón vô danh, Hai đỉnh đầu ngón giữa trụ nhau, dựng thẳng hai ngón trỏ hai ngón út.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धाय अदित्याय स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ ÀDITĀYĀYA_ SVĀHĀ

14_ Vi Xà Gia (Vijaya):

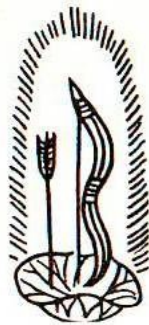
Vijaya là em gái của Jaya, một trong hai Phi của Nhật Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây cung, tay phải cầm mũi tên, hướng mặt về bên phải.

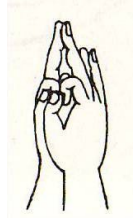


Chữ chủng tử là: VI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung tên.



Tướng Ấn là: Như Lai Ngũ Môn Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो विजया स्वहा

OM JAYA VIJAYA SVÀHÀ

Hay ॐ नमो गणपतये स्वहा

OM MAHÀ-GAÑAPÀTHA SVÀHÀ

15_ Đế Thích Thiên ('Sakra-devànàṃ-indra):

'Sakra-devànàṃ-indra dịch âm là Thích Ca Đề Hoàn Nhân Đà La . Lược xưng là Thích Đề Hoàn Nhân, Thích Ca Đề Bà. Lại xưng là Đế Thích ('Sakra) và còn có tên gọi riêng là Nhân Đà La (Indra), Kiều Thi Ca, Sa Bà Bà, Thiên Nhân...

Nguyên Indra là vị Thần của Ấn Độ Giáo, là Thần Lôi Vũ có địa vị tối cao trong các chư Thần, ngồi trên xe có ngựa kéo, vung múa Chày Kim Cương ngăn trị loài Ma ác và đấu tranh với hàng A Tu La.

Sau này khi du nhập vào Phật Giáo thì trở thành vị Hộ Pháp và được xưng là Đế Thích Thiên, là một trong 12 vị Trời, Chủ của cõi Tam Thập Tam Thiên, trấn giữ phương Đông, cư trú tại thành Thiện Kiến thuộc cõi Trời Đao Lợi trên đỉnh núi Tu Di.

Theo sự ghi chép của Kinh Điển thì Tôn này là vị Bà La Môn ở nước Ma Già Đa, do tu Phước Đức của nhóm Bồ Thí mà được sinh lên cõi Trời Đao Lợi làm vị Thiên Chủ

Tôn Hình: Thân màu thít đỏ, hiện hình phẫn nộ, tay trái nắm quyền để bên eo, khoác Thiên Y và Giáp Trụ.



Chân Ngôn là:

ॐ मः समं व जं नं क म् क्खि सु व म् क्ख व व् व द्द य् क्खि ए य् म् म् म् म्
य् म् व् म् म् इ न् म् म् म्

NAMAḤ SAMANTA VAJRANĀM_ HE_ ABHIMUKHA MAHĀ
PRACAṆḌA _ KHADAYA KIMCIRĀYASI SAMAYA MANUSMARA_
SVĀHĀ

19_ Thủ Môn Nữ (Dvāra-pāli):

Dvāra-pāli dịch âm là Ná Phộc La Bát Lê, có nghĩa là người nữ giữ cửa. Là một trong hai Tôn giữ cửa Đông của Kim Cương Ngoại Viện

Tôn Hình: Thân màu thịt, để quyền phải trước ngực, tay trái cầm chày Độc Cổ, đứng hướng mặt về bên phải

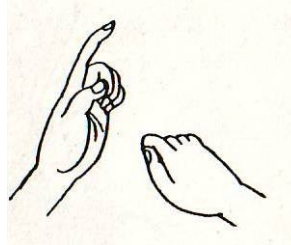


Chữ chủng tử là: RO (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.



Tướng Ấn là: Tướng Hưởng Thủ Hộ Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ मः समं व जं नं क म् क्खि सु व म् क्ख व व् व द्द य् क्खि ए य् म् म् म् म्
य् म् व् म् म् इ न् म् म् म्

NAMAḤ SAMANTA VAJRANĀM_ HE_ ABHIMUKHA MAHĀ
PRACAṆḌA _ KHADAYA KIMCIRĀYASI SAMAYA MANUSMARA_
SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ OM DHṚTARÀṢṬRÀ RA RA
PRAMODANA_ SVĀHĀ

21_ Đại Phạm Thiên (Mahà-Brahma-deva):

Mahà-Brahma-deva dịch âm là Ma Ha Phạm La Hạ Ma, dịch ý là cực trong sạch tinh khiết. Lại xưng là Phạm Vương, Phạm Thiên, Đại Phạm, Phạm Đồng Tử, Thế Chủ Thiên, Sa Bà Thế Giới Chủ

Theo Ấn Độ Giáo thì Phạm Thiên là vị Chủ Tể sáng tạo ra Trời Đất và muôn vật. Sau này khi du nhập vào Phật Giáo thì Phạm Thiên là vị Chủ Tể của cõi Sơ Thiên thuộc Sắc Giới (Rùpa Dhātu) và là một trong 20 Thiên, một trong 28 Bộ của Thiên Thủ Quán Âm

Tôn Hình: Thân màu thịt, đầu đội mào tóc búi, có 4 mặt, mỗi mặt đều có 3 mắt, thân có 4 cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất tác Dữ Nguyên Ấn, tay thứ hai cầm cây kích. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm cái bình.

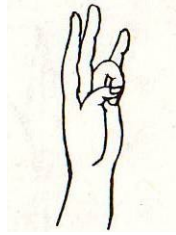


Chữ chủng tử là: BRA (𑖧)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hồng, tay Thí Nguyên.



Tướng Ấn là: Nguyệt Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् प्राजापतये स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ PRAJAPATAYE_ SVĀHĀ

22_ Mão Tú (Kṛtikà)

Kṛtikà (Mão Tú) dịch âm là Khất Lật Đế Ca, lại có tên gọi là Mao Đầu. Là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen bên trên có ngôi sao.(hình 231)



Chữ chủng tử là: RO (𑖀), hay KṚ (𑖅)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tượng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

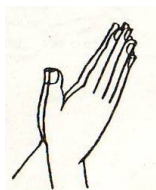
ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् नक्षत्रा निरजापतये स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्त बुद्धानाम् मेघपतये स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ MEṢA-PATAYE_ SVĀHĀ

31_ Phu Phụ Cung (Nam) (Mithuna-vimana):

Mithuna-vimana lại xưng là Phu Phụ Cung, Âm Dương Cung, Song Nữ Cung, hoặc Song Diệu Thần Chủ. Là một trong 12 Cung.

Tôn này chủ về việc mang thai, con cháu

Tôn Hình: Nam hướng mặt về bên phải, cùng đối với nữ

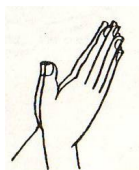


Chữ chủng tử là: JE (ॐ), hay MI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्त बुद्धानाम् मधुपतये स्वहा

